TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/DS-ST
Ngày 20 – 3 - 2020
V/v "Tranh chấp quyền về lối đi qua bất động sản liền kề"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

2. Bà Nguyễn Thị Sương

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Bà Nguyễn Thanh Thúy.

Ngày 20 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2016/TLST– DS ngày 12 tháng 10 năm 2016 về việc tranh chấp "Quyền về lối đi qua bất động sản liền kề" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST - DS ngày 03 tháng 02 năm 2020 và Quyết hoãn phiên tòa số: 15/2020/QĐXXST – DS ngày 24/02/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1953 – có mặt

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn N là Luật sư Huỳnh Ngọc C – Văn phòng luật sư Phạm Minh T – Đoàn luật sư Vĩnh Long, địa chỉ: Số 31, Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long – có mặt

- Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1949 – vắng mặt

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị B, sinh năm 1951 (vợ ông T) – vắng mặt

2. Anh Lê Ngọc T, sinh năm 1972 (con ông T) – vắng mặt

3. Anh Đồng Văn N, sinh năm 1971 (con ông T) – vắng mặt

4. Chị Lê Ngọc O, sinh năm 1970 (vợ Đồng Văn N) – vắng mặt

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long

5. Anh Lê Ngọc H, sinh năm 1976 (con ông T) – vắng mặt

Địa chỉ: khóm Đ, thị trấn E, huyện H, tỉnh Vĩnh Long

6. Bà Lê Thị N, sinh năm 1954 (vợ ông N) – vắng mặt

7. Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1987 (con ông N) – vắng mặt

8. Anh Nguyễn Tường L, sinh năm 1983 (con ông N) – có mặt

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long

9. Chị Nguyễn Ngọc T (con ông N), sinh năm 1975, địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long – vắng mặt

10. Anh Nguyễn Văn D (con ông N), sinh năm 1977, địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long – vắng mặt

11. Chị Nguyễn Kim C (con ông N), sinh năm 1979, địa chỉ: ấp F, xã G, huyện H, tỉnh Vĩnh Long – vắng mặt

12. Chị Nguyễn Thị Bích H (con ông N), sinh năm 1981, địa chỉ: ấp X, xã Z, huyện W, tỉnh Vĩnh Long – vắng mặt

Bà Lê Thị N, anh Nguyễn Văn Đ, anh Nguyễn Văn V, chị Nguyễn Ngọc T, anh Nguyễn Tường L, chị Nguyễn Thị Bích H và chị Nguyễn Kim C cùng ủy quyền cho ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1953, địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long (các văn bản ủy quyền cùng ngày 06/9/2015) – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 24/8/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông Huỳnh Ngọc C là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn N trình bày:

Vào khoảng năm 1965 ông Lê Văn T (đã chết) là cha ruột của ông Lê Văn T có chuyển nhượng cho ông N phần đất tại thửa 438, diện tích 320 m^2, loại đất T + Vườn (trong đó 300 m^2 đất thổ và 20 m^2 đất vườn), tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long, hiện nay do ông N đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi chuyển nhượng đất ông T hứa sẽ tạo điều kiện cho gia đình ông N có một lối đi.

Đến ngày 13/11/1989 ông T mới làm giấy tay chứng nhận việc chuyển nhượng phần đất này; đồng thời ông T khẳng định "Mé nhà (Giọt nước xuống) chừa lại làm đường đi", kể từ đó ông N sử dụng mé hiên này làm lối đi ra đường công cộng có chiều ngang khoản 2 m, sau này chỉ còn 0,8 m nên không sử dụng được. Từ đó ông N đi nhờ qua phần đất khác của ông Lê Văn T tại thửa 446 có chiều ngang khoản 1,5 mét, chiều dài khoản 20 mét thì đến đường dùng chung của 03 hộ là ông Hai M và 02 hộ con của ông M là ông Bé T và ông Bé N.

Do công việc làm ăn mà lối đi thì nhỏ nên ông N chuyển sang thuê lối đi bên phần đất của ông Trần Hữu L. Từ đó ông T rào lại không cho ông N đi. Phía bên ông L thì cũng không cho thuê và rào lại không cho ông N đi. Khi bị hai bên rào chắn lại thì ông N có thương lượng với ông T là chuyển nhượng lại lối đi này, nhưng phía ông T không đồng ý. Lối đi này gia đình ông N đã đi hơn 50 năm qua. Hiện tại lối đi này ông T đã cho con rễ là Đồng Văn N quản lý sử dụng có chiều ngang khoảng 1,5 mét, chiều dài khoảng 05 mét; ông T còn lại có chiều ngang khoản 1,5 mét, chiều dài khoản 15 mét.

Hiện tại ông N không còn lối đi nào khác mà phải đi bằng con đường sông Măng Thít để lên nhà.

Nay ông N yêu cầu ông Lê Văn T, bà Lê Thị B, anh Lê Ngọc T, anh Lê Ngọc H, anh Đồng Văn N và chị Lê Ngọc O cùng có trách nhiệm dành cho ông N một lối đi có diện tích là 34,9 m^2 theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 09/02/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai và Phòng tài nguyên và Môi trường huyện Tam Bình, tại tách thửa 446, đất tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C. Đồng thời ông N đồng ý trả lại giá trị đất cho ông T, bà B, anh T, anh H, anh N và chị O theo giá thị trường tại khu vực này là 300.000 đồng/m^2 x 34,9 m^2 = 10.470.000 đồng. Ngoài ra ông N không có yêu cầu nào khác.

- Bị đơn là ông Lê Văn T trình bày: Phần đất tại thửa 446, diện tích 630 m^2 trước đây ông T vẫn cho gia đình ông N đi lại, nhưng bây giờ tự động ông N không đi nữa nên ông T mới rào lại. Nay ông T không đồng ý cho ông N đi lại đường đi cũ nữa. Nếu ông N muốn được đi lại trên phần đất cũ thuộc thửa 446, diện tích đo đạc thực tế của lối đi là 34,9 m^2 thì phải trả tiền thuê đất cho ông T mỗi tháng là 700.000 đồng, thời hạn thuê là 02 năm, hết 02 năm thì gia hạn lại hợp đồng.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị B trình bày: Bà thống nhất với ý kiến trình bày của ông T; bà không có ý kiến và yêu cầu gì.

2. Anh Đồng Văn N, anh Lê Ngọc T, chị Lê Ngọc O và anh Lê Ngọc H: Căn cứ vào các Điều 196, 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải cho anh N, anh T, chị O và anh H nhưng anh N, anh T, chị O và anh H không có ý kiến gì bằng văn bản và qua hai lần tống đạt Thông báo

phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải thì anh N, anh T, chị O và anh H cũng không tham dự.

Do vậy căn cứ vào điểm d khoản 3 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N yêu cầu ông Lê Văn T, bà Lê Thị B, anh Lê Ngọc T, anh Lê Ngọc H, anh Đồng Văn N và chị Lê Ngọc O cùng có trách nhiệm dành cho ông N một lối đi theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 09/02/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai và Phòng tài nguyên và Môi trường huyện Tam Bình, tại tách thửa 446, đất tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C. Đồng thời ông N đồng ý trả lại giá trị đất cho ông T, bà B, anh T, anh H, anh N và chị O theo giá thị trường tại khu vực này là 300.000 đồng/m^2 x 34,9 m^2 = 10.470.000 đồng là có căn cứ chấp nhận một phần.

- *Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình trình bày:*

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự và những người tham gia tố tụng khác: Đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đương sự; đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N. Buộc ông Lê Văn T, bà Lê Thị B, anh Đồng Văn N, anh Lê Ngọc T, chị Lê Ngọc O và anh Lê Ngọc H dành cho ông Nguyễn Văn N một lối đi theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 09/02/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tam Bình.

Việc ông N đồng ý bồi hoàn lại giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường có vị trí tương đồng là 300.000 đồng x 34,9 m^2 = 10.470.000 đồng. Xét thấy, đây không phải là tiền bồi hoàn lại giá trị quyền sử dụng đất mà là một khoản hỗ trợ đền bù cho ông T do ông N được hưởng quyền về lối đi qua bất động sản liền kề diện tích là 34,9 m^2 theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 09/02/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai và Phòng tài nguyên và Môi trường huyện Tam Bình, tại tách thửa 446, đất tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C của ông T. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ đền bù này của ông N cho ông T, bà B, anh N, anh T, chị O và anh H với số tiền là 10.470.000 đồng.

+ Về án phí và chi phí khảo sát, đo đạc: Buộc ông Lê Văn T, bà Lê Thị Ba, anh Đồng Văn N, anh Lê Ngọc T, chị Lê Ngọc O và anh Lê Ngọc H phải chịu toàn bộ tiền án phí và chi phí khảo sát, đo đạc theo quy định của pháp luật. Đối với tiền án phí dân sự sơ thẩm do ông T, bà B là người cao tuổi nên miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Các tài liệu, chứng cứ của vụ án: Đã được Tòa án công khai tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 19/8/2018 và ngày 19/3/2019.

- Bị đơn là ông Lê Văn T và người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị B, anh Đồng Văn N, anh Lê Ngọc T, chị Lê Ngọc O và anh Lê Ngọc H không có giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

- Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Kết quả khảo sát, đo đạc là trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 09/02/2018 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai và Phòng tài nguyên và Môi trường huyện Tam Bình cung cấp, nhưng phía bị đơn ông Lê Văn T và người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị B, anh Đồng Văn N, anh Lê Ngọc T, chị Lê Ngọc O và anh Lê Ngọc H không phản đối nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

- Các tình tiết, sự kiện mà các bên đương sự thống nhất, không thống nhất:

+ Ông T, bà Ba không đồng ý mở lối đi theo yêu cầu của ông N.

+ Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải cho anh N, anh T, chị O và anh H nhưng anh N, anh T, chị O và anh H không có ý kiến gì bằng văn bản và qua hai lần tống đạt Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải thì anh N, anh T, chị O và anh H cũng không tham dự nên không xác định được sự thống nhất và không thống nhất của các đương sự trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện ông N yêu cầu ông T, bà B, anh N, anh T, chị O và anh H phải dành cho ông một Quyền về lối đi qua bất động sản liền kề là tranh chấp về quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản được quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Tam Bình, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

- Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho ông T, bà B, anh N, anh T, chị O và anh H nhưng ông T, bà B, anh N, anh T, chị O và anh H đã vắng mặt cả hai lần không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T, bà B, anh N, anh T, chị O và anh H.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện:

- Xét yêu cầu của ông N yêu cầu ông T, bà B, anh N, anh T, chị O và anh H dành cho ông N quyền về lối đi qua bất động sản liền kề có diện tích 34,9 m^2, tại tách thửa 446, loại đất: ONT + LNQ, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long do ông T đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có căn cứ chấp nhận một phần. Bởi lẽ, thực tế hiện nay nhà và đất ông N đang sinh sống tại thửa 438, 439 bị vây bộc bởi phía Đông Bắc giáp sông Măng Thít và thửa đất 446 của ông T, phía Tây Nam giáp sông Măng Thít. Ngoài lối đi này ra thì ông N không còn lối đi nào khác đến đường đal công cộng. Mặc khác, lối đi này trước đây ông T đã cho ông N đi qua; đồng thời từ nhà ông N đến mốc số 01 – 03 (là 3.80 mét) và từ mốc số 15 – 14 (là 3.31 mét) theo trích đo bản đồ địa chính khu đất thì hòa nhập vào lối đi chung của hộ ông Lê Văn T, anh Đồng Văn N cũng đi qua lối đi này ra đường đi công cộng.

Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 254 của Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông N. Buộc ông T, bà B, anh N, anh T, chị O và anh H dành cho ông N quyền về lối đi qua bất động sản liền kề trong chu vi: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15 và 1 tại tách thửa 446, diện tích là 34,9 m^2, loại đất: ONT + LNQ, tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long do ông T đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất). Ông Nguyễn Văn N Bà Lê Thị N, anh Nguyễn Văn Đ, anh Nguyễn Văn V, chị Nguyễn Ngọc T, anh Nguyễn Tường L, chị Nguyễn Thị Bích H và chị Nguyễn Kim C không được rào lại lối đi này.

- Xét việc ông N đồng ý bồi hoàn lại giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường có vị trí tương đồng là 300.000 đồng x 34,9 m^2 = 10.470.000 đồng. Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu này của ông N. Bởi lẽ, đây không phải là tiền bồi hoàn lại giá trị quyền sử dụng đất mà là một khoản hỗ trợ đền bù cho ông T do ông N được hưởng quyền về lối đi qua bất động sản liền kề diện tích là 34,9 m^2 (theo trích đo nêu ở trên) tại tách thửa đất 466, loại đất: ONT + LNQ, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long của ông T. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ đền bù này của ông N cho ông T, bà B, anh N, anh T, chị O và anh H với số tiền là 10.470.000 đồng. Buộc ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ trả cho Lê Văn T, bà Lê Thị B, anh Đồng Văn N, anh Lê Ngọc T, chị Lê Ngọc O và anh Lê Ngọc H số tiền hỗ trợ đền bù là 10.470.000 đồng.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn N, ông Lê Văn T và bà Lê Thị B theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do ông N, ông T và bà Ba là người cao tuổi.

- Anh Đồng Văn N, anh Lê Ngọc T, chị Lê Ngọc O và anh Lê Ngọc H có trách nhiệm liên đới phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng ông N tự nguyện nộp thay tiền án phí dân sự sơ thẩm cho anh Đồng Văn N, anh Lê Ngọc T, chị Lê Ngọc O và anh Lê Ngọc H số tiền là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông N đã nộp là 127.500 đồng theo biên lai thu số 0007407 ngày 12/10/2016 nên ông N còn phải nộp thêm 172.500 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

[4]. Về chi phí khảo sát, đo đạc:

Ông Lê Văn T, bà Lê Thị B, anh Đồng Văn N, anh Lê Ngọc T, chị Lê Ngọc O và anh Lê Ngọc H có trách nhiệm liên đới phải chịu 1.522.500 đồng tiền chi phí khảo sát, đo đạc, nhưng ông N tự nguyện nộp thay cho ông Lê Văn T, bà Lê Thị B, anh Đồng Văn N, anh Lê Ngọc T, chị Lê Ngọc O và anh Lê Ngọc H 1.522.500 đồng tiền chi phí khảo sát, đo đạc (ông N đã nộp xong).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 254 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 203 của Luật đất đai năm 2013 và khoản 2 và 9 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N.

Buộc ông Lê Văn T, bà Lê Thị B, anh Đồng Văn N, anh Lê Ngọc T, chị Lê Ngọc O và anh Lê Ngọc H dành cho ông Nguyễn Văn N quyền về lối đi qua bất động sản liền kề trong chu vi: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15 và 1, diện tích 34,9 m^2, tại tách thửa 446, loại đất: ONT + LNQ, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long do ông Lê Văn T đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (kèm theo trích bản đồ địa chính khu đất). Ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị N, anh Nguyễn Văn Đ, anh Nguyễn Văn V, chị Nguyễn Ngọc T, anh Nguyễn Tường L, chị Nguyễn Thị Bích H và chị Nguyễn Kim C không được rào lại lối đi này.

Ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ đền bù của ông Nguyễn Văn N cho ông Lê Văn T, bà Lê Thị B, anh Đồng Văn N, anh Lê Ngọc T, chị Lê Ngọc O và anh Lê Ngọc H với số tiền là 10.470.000 đồng. Buộc ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn T, bà Lê Thị B, anh Đồng Văn N, anh Lê Ngọc T, chị Lê Ngọc O và anh Lê Ngọc H số tiền hỗ trợ đền bù là 10.470.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn N, ông Lê Văn T và bà Lê Thị B theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do ông N, ông T và bà Ba là người cao tuổi.

- Anh Đồng Văn N, anh Lê Ngọc T, chị Lê Ngọc O và anh Lê Ngọc H có trách nhiệm liên đới phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng ông N tự nguyện nộp thay tiền án phí dân sự sơ thẩm cho anh Đồng Văn N, anh Lê Ngọc T, chị Lê Ngọc O và anh Lê Ngọc H số tiền là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông N đã nộp là 127.500 đồng theo biên lai thu số 0007407 ngày 12/10/2016 nên ông N còn phải nộp thêm 172.500 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

3. Về chi phí khảo sát, đo đạc:

Ông Lê Văn T, bà Lê Thị B, anh Đồng Văn N, anh Lê Ngọc T, chị Lê Ngọc O và anh Lê Ngọc H có trách nhiệm liên đới phải chịu 1.522.500 đồng tiền chi phí khảo sát, đo đạc, nhưng ông N tự nguyện nộp thay cho ông Lê Văn T, bà Lê Thị B, anh Đồng Văn N, anh Lê Ngọc T, chị Lê Ngọc O và anh Lê Ngọc H số tiền là 1.522.500 đồng tiền chi phí khảo sát, đo đạc (ông N đã nộp xong).

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn N có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Văn T, bà Lê Thị B, anh Đồng Văn N, anh Lê Ngọc T, chị Lê Ngọc O và anh Lê Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Cảnh